

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh; ông Phan Văn Tiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 17/6/2024, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 08/2024/TLST-HNGĐ ngày 26/02/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-DS ngày 28/5/2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị T; sinh năm 1994; địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn Đ; sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23/01/2024, bản tự khai và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ đăng ký kết hôn vào ngày 07/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Gia Phó, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, lí do mâu thuẫn là anh Đ không chăm lo làm ăn, ham mê rượu chè, cờ bạc, thường xuyên uống rượu

say về nhà chửi bới, đánh đập chị mặc dù chị đã cố gắng nhẫn nhịn, chịu đựng để cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh Đ vẫn không thay đổi nên vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 1/2023 cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân nhau anh Đ thường xuyên gây gổ, chửi bới xúc phạm chị và gia đình chị. Nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 11/6/2020. Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao căn cước công dân, giấy khai sinh của con; biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án; bản tự khai; đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ thông qua mẹ đẻ của anh Đ nhưng anh Đ không có mặt tại Tòa án để làm việc.

Tòa án tiến hành làm việc với Công an xã Hương Trạch, huyện Hương Khê để xác minh về nơi cư trú của bị đơn anh Nguyễn Văn Đ. Tại Phiếu xác nhận thông tin về cư trú số 107/XN ngày 05/4/2024, Công an xã Hương Trạch, huyện Hương Khê cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Văn Đ có đăng ký hộ khẩu và nơi ở hiện tại tại thôn Tân Thành, xã Hương Trạch, huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, ngoài ra không đăng ký tạm trú ở nơi nào khác.

Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến trực tiếp tại nhà anh Nguyễn Văn Đ để lấy lời khai anh Đ nhưng anh Đ không có mặt, tại buổi làm việc ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị H (Cha, mẹ đẻ của anh Đ) cung cấp thông tin: Anh Đ và gia đình biết việc chị T khởi kiện, Tòa án giải quyết ly hôn nhưng do anh Đ bận đi làm ăn, không có thời gian về giải quyết. Chị T và anh Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn và được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương vào năm 2019. Quá trình chung sống giữa chị T và anh Đ có nảy sinh mâu thuẫn, gia đình nhiều lần khuyên nhủ, hòa giải đoàn tụ nhưng không thành, nay chị T làm đơn xin ly hôn thì tự chị T ly hôn đơn phương, anh Đ và gia đình không đồng ý ly hôn vì anh Đ là người theo đạo thiên chúa, không được phép ly hôn; về con chung: Anh Đ và chị T có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 11/6/2020, nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định, trường hợp chị T không có đủ khả năng nuôi con thì gia đình sẽ nhận nuôi cháu; về tài sản: Anh Đ và chị T không có tài sản chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng nguyên đơn chị T có

đơn đề nghị không tiến hành hòa giải; bị đơn anh Đ không có mặt, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện các quy định của pháp luật;

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của chị Trần Thị T, đồng ý cho chị T ly hôn với anh Đ.

+ Về con cái: Vợ chồng có 1 con chung tên là Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 11/6/2020. Đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con: Chị T không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX buộc nguyên đơn chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Trần Thị T có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Văn Đ có địa chỉ cư trú tại thôn Tân Thành, xã Hương Trạch, huyện Hương Khê nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải cho các bên đương sự nhưng bị đơn anh Đ không có

mặt tại các buổi hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh Nguyễn Văn Đ nhưng bị đơn đã 02 lần vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Trần Thị T trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Gia Phố, huyện Hương Khê theo Giấy đăng ký kết hôn số 17 ngày 07/5/2019, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị T và anh Đ có nảy sinh mâu thuẫn, lí do mâu thuẫn là vì vợ chồng không cùng quan điểm sống, trong cuộc sống thường xuyên xảy ra cãi vã, thậm chí anh Đ còn đánh đập, dọa nạt chị T. Do không chịu đựng được nên từ đầu năm 2023 đến nay chị T cùng với con ra ở riêng và vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng cho anh Đ nhưng anh Đ không đến Tòa án để giải quyết. HĐXX thấy rằng hôn nhân giữa anh Đ và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, đồng ý cho chị T được ly hôn với anh Đ.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 11/6/2020, con từ khi sinh ra cho đến nay đều do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con. HĐXX thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo tốt nhất mọi mặt về vật chất và tinh thần cho con. Hiện tại chị T đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, con phát triển khỏe mạnh, bình thường. Anh Đ đi làm ăn xa, thi thoảng mới về thăm gia đình, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã giải thích cho anh Đ biết về quyền và nghĩa vụ của mình đối với con chung nhưng anh Đ vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết. Do đó, HĐXX thấy cần giao con chung cho chị T tiếp tục được nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản; có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về con chung: Giao con chung tên là Nguyễn Trần Phương U, sinh ngày 11/6/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị T không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản; có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, chị Thủy đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007986 ngày 26/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã Gia Phố;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Trọng Hùng